

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

Số: 315 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long An, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình Hỗ trợ cơ sở vật chất cho các trường phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông kết hợp xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư chương trình Hỗ trợ cơ sở vật chất cho các trường phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông kết hợp xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025;

Theo Tờ trình số 4130/TTr-SGDĐT ngày 29/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Long An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình Hỗ trợ cơ sở vật chất cho các trường phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông kết hợp xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025”.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện theo nội dung tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Ban VHXX-HĐND tỉnh;
- PCVP (VX);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Phòng VHXX;
- Lưu: VT, SGDĐT (7)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Út

Long An, ngày 15 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình Hỗ trợ cơ sở vật chất
cho các trường phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông kết hợp
xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 15/01/2021
của UBND tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Chương trình Hỗ trợ cơ sở vật chất cho các trường phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông kết hợp xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình), UBND tỉnh Long An xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Các cấp, các ngành, các cơ sở giáo dục thực hiện tốt các điều kiện nhằm triển khai hiệu quả chương trình đầu tư công hỗ trợ cho các trường phổ thông trong tỉnh thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, đồng thời hỗ trợ các trường đảm bảo được cơ sở vật chất, đủ điều kiện công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của hệ thống chính trị và nhân dân đối với việc triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Góp phần tạo chuyên biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và phát triển con người trên địa bàn tỉnh.

- Xác định cụ thể lộ trình đầu tư các công trình thuộc Chương trình đã được thông qua tại Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 08/12/2020.

- Phân công trách nhiệm đầu tư đối với từng công trình cụ thể về quyết định đầu tư, chủ đầu tư, nguồn vốn đầu tư và thiết kế chi tiết nội dung đầu tư đối với từng công trình đầu tư.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI, THỰC TRẠNG VÀ QUY MÔ CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trong toàn tỉnh theo yêu cầu Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; hỗ trợ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia góp phần xây dựng xã nông thôn mới ở nông thôn; đảm bảo đủ trường, lớp cho học sinh ở địa bàn có khu, cụm công nghiệp; đảm bảo công bằng trong giáo dục và đào tạo: từ thành thị đến nông

thôn, từ vùng thuận lợi đến vùng khó khăn, các học sinh có điều kiện học tập như nhau.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo đến năm 2025 có 100% học sinh tiểu học trong toàn tỉnh học 2 buổi/ngày.

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trường lớp, thiết bị dạy học,... nhằm giúp học sinh có đủ điều kiện học tập, tham gia các hoạt động trải nghiệm, tập trung phát triển năng lực của người học.

- Triển khai có hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Có ít nhất 60% các trường trong tỉnh đạt chuẩn quốc gia.

3. Thực trạng

3.1. Khái quát quy mô trường, lớp, học sinh theo các cấp học

- Toàn tỉnh hiện có 557 trường từ mầm non đến phổ thông công lập, bao gồm: 190 trường mầm non; 188 trường tiểu học; 139 trường THCS, TH&THCS; 38 trường THPT, THCS&THPT; 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Kỹ thuật tổng hợp. Với 9.639 lớp, 342 nhóm trẻ. Trong đó: Mầm non có 1.809 lớp mẫu giáo, 342 nhóm trẻ; Tiểu học có 4.339 lớp; THCS có 2.424 lớp; THPT có 1.067 lớp.

- Tổng số học sinh là: 335.870 học sinh, trong đó: 56.945 trẻ mầm non; 138.524 học sinh tiểu học; 95.080 học sinh THCS; 45.321 học sinh THPT.

3.2. Thực trạng trạng về đội ngũ

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động 22.016 người. Trong đó, cán bộ quản lý: 1.415 người (mầm non 540, tiểu học 453, THCS 297, THPT 125); giáo viên: 17.373 người (mầm non 4.008, tiểu học 6.361, THCS 4.697, THPT 2.370); nhân viên: 2.691 người (mầm non 1.126, tiểu học 707, THCS 537, THPT 321); hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 537 người.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Ngành, trong những năm qua số lượng công chức, viên chức đạt chuẩn theo quy định về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giáo viên, có trình độ chuyên môn trên chuẩn không ngừng tăng lên góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo có tác động tích cực đã thay đổi nhận thức đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, công tác bồi dưỡng đội ngũ theo hướng chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu theo chuẩn/tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; chú trọng bồi dưỡng phẩm chất và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

3.3. Thực trạng về phòng học, phòng chức năng

Cơ sở vật chất hiện tại cơ bản đáp ứng được việc giảng dạy trong toàn tỉnh. Tuy nhiên, để đáp ứng theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới thì cần phải bổ sung nhiều phòng học, phòng chức năng. Cụ thể như sau:

- Đối với cấp tiểu học:

+ Tổng số phòng học hiện có là 4.253 phòng, so với yêu cầu còn thiếu 762 phòng (xây dựng bổ sung phòng học cho các trường phát triển quy mô học sinh, thực hiện dạy học 2 buổi/ngày với tỷ lệ 100% trong toàn tỉnh, thay thế phòng học xuống cấp).

+ Phòng giáo dục thể chất hiện có 107 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 81 phòng.

+ Phòng mỹ thuật hiện có 113 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 75 phòng.

+ Phòng âm nhạc hiện có 114 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 74 phòng.

+ Phòng tin học hiện có 243 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 63 phòng.

+ Phòng ngoại ngữ hiện có 210 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 143 phòng.

+ Phòng thiết bị giáo dục có 139 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 49 phòng.

+ Phòng thư viện có 159 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 29 phòng.

Ngoài ra, còn nhiều trường còn sử dụng các khu nhà tạm để bố trí các phòng hành chính, do đó so với yêu cầu xây dựng trường chuẩn cần phải đầu tư thêm các phòng như sau: 29 văn phòng trường, 23 phòng hiệu trưởng, 33 phòng phó hiệu trưởng, 66 phòng công đoàn, 64 phòng nghỉ giáo viên, 36 phòng y tế, 29 phòng bảo vệ và 41 phòng truyền thống.

- Đối với cấp THCS:

+ Tổng số phòng học hiện có là 1.860 phòng, so với yêu cầu còn thiếu 137 phòng (xây dựng bổ sung phòng học cho các trường phát triển quy mô học sinh, thay thế phòng học xuống cấp).

+ Phòng giáo dục thể chất hiện có 86 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 53 phòng.

+ Phòng tin học hiện có 130 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 51 phòng.

+ Phòng thực hành Lý hiện có 119 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 20 phòng.

+ Phòng thực hành Hóa hiện có 111 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 28 phòng.

+ Phòng thực hành Sinh hiện có 94 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 45 phòng.

+ Phòng thực hành Công nghệ hiện có 87 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 52 phòng.

- + Phòng mỹ thuật có 69 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 70 phòng.
- + Phòng âm nhạc có 81 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 58 phòng.
- + Phòng ngoại ngữ có 96 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 64 phòng.
- + Phòng thiết bị giáo dục có 115 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 24 phòng.
- + Phòng thư viện có 116 phòng, còn thiếu so với nhu cầu là 23 phòng.

Ngoài ra, các trường THCS còn thiếu cần phải đầu tư thêm để đạt chuẩn gồm: 45 phòng chuẩn bị đồ dùng thực hành, 25 phòng hội đồng giáo viên, 21 phòng truyền thống, 10 phòng bảo vệ, 24 phòng y tế, 36 phòng nghỉ giáo viên, 32 phòng công đoàn, 21 văn phòng trường, 30 phòng hiệu phó, 18 phòng hiệu trưởng.

- Đối với cấp THPT:

+ Tổng số phòng học hiện có là 892 phòng, so với yêu cầu còn thiếu 20 phòng. Có tổng cộng 259 phòng chức năng, còn thiếu so với nhu cầu là 38 phòng chức năng.

+ Ngoài ra, để phát triển mạng lưới trường THPT theo chiến lược phát triển giáo dục, thì nhu cầu của tỉnh cần xây phải xây dựng và phát triển một số trường THPT mới tại Bến Lức, Cần Đức, Đức Hòa.

3.4. Thực trạng về thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu đã được trang bị từ những năm 2005 đến nay hầu như bị hư hỏng không dùng được. Hàng năm các trường có mua sắm bổ sung để sử dụng nhưng không đồng bộ và không đáp ứng được cho chương trình giáo dục phổ thông mới.

4. Quy mô

- Đầu tư các điều kiện về cơ sở vật chất, trường lớp, thiết bị dạy học,... để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh có đủ điều kiện học tập, tham gia các hoạt động trải nghiệm, tập trung phát triển năng lực của người học, cụ thể:

+ Xây dựng bổ sung 944 phòng học gồm: tiểu học 777 phòng, THCS 151 phòng, THPT 16 phòng.

+ Xây dựng bổ sung 1.668 phòng chức năng, phòng hành chính, phục vụ học tập gồm: 47 phòng Hiệu trưởng, 74 phòng Phó Hiệu trưởng, 54 văn phòng trường, 104 phòng công đoàn, 107 phòng nghỉ giáo viên, 66 phòng y tế, 42 phòng bảo vệ, 69 phòng truyền thống, 136 phòng thể chất, 149 phòng mỹ thuật, 136 phòng âm nhạc, 117 phòng tin học, 214 phòng ngoại ngữ, 74 phòng thiết bị giáo dục, 52 phòng thư viện, 24 phòng Lý, 32 phòng Hóa, 47 phòng Sinh, 57 phòng Công nghệ, 43 phòng chuẩn bị thực hành và 24 phòng hội đồng giáo viên.

+ Mua sắm 25.464 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi, 772 bộ âm thanh di động dùng để dạy sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, 649 bộ máy tính quản lý, 368 bộ thiết bị cho phòng âm nhạc, 435 phòng máy vi tính để dạy bộ môn tin học trong nhà trường, 303 bộ thiết bị ti

vi tương tác dùng cho phòng dạy học ngoại ngữ, 116 bộ thiết bị ngoài trời cho các sân chơi thuộc trường tiểu học, 220 bộ thiết bị thể dục để dạy môn thể dục cấp tiểu học, 144 bộ thiết bị thể dục cho trường trung học, 370 bộ thiết bị phòng mỹ thuật, 480 tủ đựng thiết bị, 495 tivi có khả năng kết nối internet, 914 bộ thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, 943 bộ thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, 808 bộ thiết bị dạy học tối thiểu lớp 4, 783 bộ thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5, 62 bộ thiết bị phòng thực hành môn Vật lý, 65 bộ thiết bị phòng thực hành môn Hóa học, 63 bộ thiết bị phòng thực hành môn Sinh học, 86 bộ thiết bị phòng thực hành môn Công nghệ, 151 bộ thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS, 39 bộ thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT, 223 máy chiếu, 220 máy tính xách tay và 279 màn chiếu treo tường.

III. NỘI DUNG

1. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện Chương trình

Tổng mức đầu tư của Chương trình: **2.407.963.000.000 đồng** (Hai nghìn, bốn trăm lẻ bảy tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu đồng). Chia ra:

+ Chi phí xây dựng: 1.259.020 triệu đồng (Một nghìn hai trăm năm mươi chín tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng).

+ Chi phí mua sắm thiết bị: 849.118 triệu đồng (Tám trăm bốn mươi chín tỷ, một trăm mười tám triệu đồng).

+ Chi phí còn lại (quản lý, tư vấn, dự phòng,...) là 299.825 triệu đồng (Hai trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm hai mươi lăm triệu đồng).

- Đối tượng đầu tư: Hỗ trợ cho các trường tiểu học, THCS, THPT trong tỉnh.

- Khả năng cân đối vốn đầu tư:

+ Cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh: 2.133.696 triệu đồng (Hai nghìn, một trăm ba mươi ba tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó, trong giai đoạn 2021 - 2025 là 2.106.869 triệu đồng (Hai nghìn, một trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm sáu mươi chín triệu đồng), còn lại 26.827 triệu đồng (Hai mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu đồng) chuyển tiếp sang năm 2026 để tiếp tục phân bổ.

+ Cân đối từ nguồn ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố là 274.267 triệu đồng (Hai trăm bảy mươi bốn tỷ, hai trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

2. Dự kiến tiến độ thực hiện Chương trình:

- Năm 2021: dự kiến phân bổ 339.370 triệu đồng, đạt tỷ lệ 15,9% tổng khối lượng của Chương trình.

- Năm 2022: dự kiến bổ sung 392.577 triệu đồng, đạt tỷ lệ 34,3% tổng khối lượng của Chương trình.

- Năm 2023: dự kiến bổ sung 405.324 triệu đồng, đạt tỷ lệ 53,3% tổng khối lượng của Chương trình.

- Năm 2024: dự kiến bổ sung 457.421 triệu đồng, đạt tỷ lệ 74,7% tổng khối lượng của Chương trình.

- Năm 2025: dự kiến bổ sung 512.177 triệu đồng, đạt tỷ lệ 98,7% tổng khối lượng của Chương trình.

- Chuyển tiếp sang năm 2026 bổ sung 26.827 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% tổng khối lượng của Chương trình.

3. Phân chia các dự án thành phần

3.1. Dự án Xây dựng phòng học, phòng chức năng cho các trường phổ thông giai đoạn 2021 - 2025

3.1.1. Tổng mức đầu tư của dự án: 1.552.257 triệu đồng. Bằng chữ: Một nghìn, năm trăm năm mươi hai tỷ, hai trăm năm mươi bảy triệu đồng. Trong đó:

- Chi phí xây dựng là 1.259.020 triệu đồng (Một nghìn hai trăm năm mươi chín tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng).

- Chi phí còn lại (quản lý, tư vấn, dự phòng, ...) là 293.237 triệu đồng (Hai trăm chín mươi ba tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

- Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với các công trình cụ thể của dự án là: [số phòng] X [định mức diện tích] X [suất đầu tư]. Trong đó, suất đầu tư là 7 tr/m². Các địa phương sử dụng vốn đối ứng từ ngân sách của địa phương để cùng với tỉnh đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo địa bàn quản lý đối với các hạng mục còn lại (hàng rào, sân đường, cầu thang đối với các công trình có lầu, cây xanh, chi phí tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, v.v...). Chủ trương đầu tư đối với tổng mức đầu tư ở từng công trình cụ thể mang tính tương đối, tùy theo điều kiện thực tế và nguồn vốn bổ sung của địa phương mà huyện (thị xã, thành phố) có thể tăng tổng mức đầu tư cho công trình, nguồn ngân sách phân bổ của tỉnh vẫn không thay đổi.

3.1.2. Đối tượng đầu tư: Hỗ trợ cho các trường tiểu học, THCS, THPT trong tỉnh.

3.1.3. Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn của tỉnh: Vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và một phần kinh phí chuyển tiếp sang năm 2026. Hỗ trợ đối với các công trình cụ thể của dự án là: [số phòng] X [định mức diện tích] X [suất đầu tư]. Trong đó, suất đầu tư là 7 tr/m².

- Nguồn vốn đối ứng của huyện (thị xã, thành phố): đối ứng với ngân sách tỉnh cho các hạng mục còn lại của các công trình (hàng rào, sân đường, cầu thang đối với các công trình có lầu, cây xanh, chi phí tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, v.v...).

3.1.4. Cấp quyết định đầu tư: Thực hiện phân cấp theo Quyết định 63/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 và Quyết định 24/2018/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Long An, cụ thể như sau:

- Các công trình xây dựng cho các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thì cấp quyết định đầu tư là UBND tỉnh.

- Các công trình xây dựng cho các trường trực thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố có tổng mức đầu tư lớn hơn hoặc bằng 15 tỷ đồng thì cấp quyết định đầu tư là UBND tỉnh.

- Các công trình xây dựng cho các trường trực thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng thì cấp quyết định đầu tư là UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Trong quá trình thực hiện, nếu có hướng dẫn mới quy định về căn cứ phân cấp quyết định đầu tư thì thực hiện theo quy định mới.

3.1.5. Nội dung thực hiện:

a. Quy mô, thiết kế đầu tư:

- Quy mô đầu tư:

STT	Tên phòng	ĐVT	Tiểu học	THCS	THPT	Tổng cộng
1	Phòng học	Phòng	777	151	16	944
2	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	23	24		47
3	Phòng Hiệu phó	Phòng	33	41		74
4	Văn phòng	Phòng	28	26		54
5	Phòng Công đoàn	Phòng	65	39		104
6	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	63	44		107
7	Phòng y tế	Phòng	36	30		66
8	Phòng bảo vệ	Phòng	28	14		42
9	Phòng truyền thống	Phòng	41	28		69
10	Phòng giáo dục thể chất	Phòng	80	52	4	136
11	Phòng mỹ thuật	Phòng	74	70	5	149
12	Phòng âm nhạc	Phòng	73	58	5	136
13	Phòng tin học	Phòng	63	50	4	117
14	Phòng ngoại ngữ	Phòng	142	65	7	214
15	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	48	25	1	74
16	Phòng thư viện	Phòng	29	23		52
17	Phòng Vật lý	Phòng		20	4	24
18	Phòng Hóa học	Phòng		28	4	32
19	Phòng Sinh học	Phòng		44	3	47
20	Phòng Công nghệ	Phòng		51	6	57
21	Phòng chuẩn bị đồ dùng giảng dạy	Phòng		43		43
22	Phòng Hội đồng giáo viên	Phòng		24		24
Tổng cộng			1.603	950	59	2.612

- Quy chuẩn thiết kế

STT	Tên phòng	ĐVT	Tiểu học	THCS	THPT
1	Phòng học	m ²	70	80	80

STT	Tên phòng	ĐVT	Tiểu học	THCS	THPT
2	Phòng Hiệu trưởng	m ²	40	40	40
3	Phòng Hiệu phó	m ²	40	40	40
4	Văn phòng	m ²	60	60	60
5	Phòng Công đoàn	m ²	40	40	40
6	Phòng nghỉ giáo viên	m ²	60	60	60
7	Phòng y tế	m ²	60	60	60
8	Phòng bảo vệ	m ²	20	20	20
9	Phòng truyền thống	m ²	40	40	40
10	Phòng giáo dục thể chất	m ²	70	90	90
11	Phòng mỹ thuật	m ²	70	80	80
12	Phòng âm nhạc	m ²	70	80	80
13	Phòng tin học	m ²	70	90	90
14	Phòng ngoại ngữ	m ²	70	80	80
15	Phòng thiết bị giáo dục	m ²	70	80	80
16	Phòng thư viện	m ²	110	120	120
17	Phòng Vật lý	m ²		90	90
18	Phòng Hóa học	m ²		90	90
19	Phòng Sinh học	m ²		90	90
20	Phòng Công nghệ	m ²		90	90
21	Phòng chuẩn bị đồ dùng giảng dạy	m ²		40	40
22	Phòng Hội đồng giáo viên	m ²		60	60

Ghi chú: Diện tích các phòng trên bao gồm cả hành lang của phòng.

b. Suất đầu tư: 7 triệu/ m² (Bảy triệu đồng một mét vuông).

c. Kinh phí đầu tư:

- **Kinh phí đầu tư xây dựng cấp tiểu học:** 740.880 triệu đồng. *Bằng chữ:* Bảy trăm bốn mươi tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên phòng	ĐVT	Số phòng	Đơn giá	Dự toán
1	Phòng học	Phòng	777	490	380.730
2	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	23	280	6.440
3	Phòng Hiệu phó	Phòng	33	280	9.240
4	Văn phòng	Phòng	28	420	11.760
5	Phòng Công đoàn	Phòng	65	280	18.200
6	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	63	420	26.460
7	Phòng y tế	Phòng	36	420	15.120
8	Phòng bảo vệ	Phòng	28	140	3.920

STT	Tên phòng	ĐVT	Số phòng	Đơn giá	Dự toán
9	Phòng truyền thống	Phòng	41	280	11.480
10	Phòng giáo dục thể chất	Phòng	80	490	39.200
11	Phòng mỹ thuật	Phòng	74	490	36.260
12	Phòng âm nhạc	Phòng	73	490	35.770
13	Phòng tin học	Phòng	63	490	30.870
14	Phòng ngoại ngữ	Phòng	142	490	69.580
15	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	48	490	23.520
16	Phòng thư viện	Phòng	29	770	22.330
Cộng cấp tiểu học					740.880

- Kinh phí đầu tư xây dựng cấp THCS: 483.350 triệu đồng. Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi ba tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên phòng	ĐVT	Số phòng	Đơn giá	Dự toán
1	Phòng học	Phòng	151	560	84.560
2	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	24	280	6.720
3	Phòng Hiệu phó	Phòng	41	280	11.480
4	Văn phòng	Phòng	26	420	10.920
5	Phòng Công đoàn	Phòng	39	280	10.920
6	Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	44	420	18.480
7	Phòng y tế	Phòng	30	420	12.600
8	Phòng bảo vệ	Phòng	14	140	1.960
9	Phòng truyền thống	Phòng	28	280	7.840
10	Phòng giáo dục thể chất	Phòng	52	630	32.760
11	Phòng mỹ thuật	Phòng	70	560	39.200
12	Phòng âm nhạc	Phòng	58	560	32.480
13	Phòng tin học	Phòng	50	630	31.500
14	Phòng ngoại ngữ	Phòng	65	560	36.400
15	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	25	560	14.000
16	Phòng thư viện	Phòng	23	840	19.320
17	Phòng Vật lý	Phòng	20	630	12.600
18	Phòng Hóa học	Phòng	28	630	17.640
19	Phòng Sinh học	Phòng	44	630	27.720
20	Phòng Công nghệ	Phòng	51	630	32.130
21	Phòng chuẩn bị đồ dùng giảng dạy	Phòng	43	280	12.040
22	Phòng Hội đồng giáo viên	Phòng	24	420	10.080
Cộng cấp THCS					483.350

- **Kinh phí đầu tư xây dựng cấp THPT:** 34.790 triệu đồng. *Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ, bảy trăm chín mươi triệu đồng.*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên phòng	ĐVT	Số phòng	Đơn giá	Dự toán
1	Phòng học	Phòng	16	560	8.960
2	Phòng giáo dục thể chất	Phòng	4	630	2.520
3	Phòng mỹ thuật	Phòng	5	560	2.800
4	Phòng âm nhạc	Phòng	5	560	2.800
5	Phòng tin học	Phòng	4	630	2.520
6	Phòng ngoại ngữ	Phòng	7	560	3.920
7	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	1	560	560
8	Phòng Vật lý	Phòng	4	630	2.520
9	Phòng Hóa học	Phòng	4	630	2.520
10	Phòng Sinh học	Phòng	3	630	1.890
11	Phòng Công nghệ	Phòng	6	630	3.780
Tổng cấp THPT					34.790

- Lộ trình phân bổ kinh phí đầu tư của tỉnh:

- + Năm 2021: 240.238 triệu đồng.
- + Năm 2022: 254.356 triệu đồng.
- + Năm 2023: 220.677 triệu đồng.
- + Năm 2024: 252.971 triệu đồng.
- + Năm 2025: 282.921 triệu đồng.
- + Chuyển tiếp sang năm 2026: 26.827 triệu đồng.

- **Lộ trình phân bổ kinh phí của huyện, thị xã, thành phố:** Tùy theo nguồn phân bổ của tỉnh, các huyện phân bổ vốn của địa phương để đảm bảo mục tiêu của từng công trình thuộc dự án.

3.1.6. Phân công của chủ đầu tư:

- *Ban Quản lý dự án* đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Long An có trách nhiệm làm chủ đầu tư xây dựng các công trình xây dựng trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Ban có trách nhiệm thực hiện đầu tư theo đúng quy mô, thiết kế của từng công trình với nguồn kinh phí đã được phân bổ.

- UBND các huyện, thị xã thành phố làm chủ đầu tư các công trình xây dựng trường học trực thuộc UBND các huyện, thị xã thành phố. Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho các công trình trực thuộc huyện, thị xã, thành phố chỉ hỗ trợ xây các phòng học, phòng chức năng theo số lượng, định mức và suất đầu tư đã nêu ở phần 7.1.5, các chi phí còn lại sẽ do huyện (thị xã, thành phố) bổ sung. Chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư theo đúng loại phòng, số lượng đã được quy định ở từng công trình. Tổng mức đầu tư ở từng công trình cụ thể chỉ mang tính tương đối, tùy theo điều kiện thực tế và nguồn

vốn bổ sung của địa phương mà huyện (thị xã, thành phố) có thể tăng tổng mức đầu tư cho công trình, nguồn ngân sách phân bổ của tỉnh vẫn không thay đổi.

Đính kèm Phụ lục 1: Danh mục các công trình xây dựng các trường phổ thông của dự án phân bổ kinh phí theo năm.

3.2. Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu, thiết bị phòng chức năng cho các trường phổ thông giai đoạn 2021 - 2025:

3.2.1. Tổng mức đầu tư của dự án: 855.706 triệu đồng. Bằng chữ: Tám trăm năm mươi lăm tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu đồng. Trong đó:

- Chi phí mua sắm thiết bị là 849.118 triệu đồng (Tám trăm bốn mươi chín tỷ, một trăm mười tám triệu đồng).

- Chi phí còn lại (quản lý, tư vấn, dự phòng,...) là: 6.588 triệu đồng (Sáu tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu đồng).

3.2.2. Đối tượng đầu tư: Hỗ trợ cho các trường tiểu học, THCS, THPT trong tỉnh.

3.2.3. Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

3.2.4. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh.

3.2.5. Phân công chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo.

3.2.6. Lộ trình phân bổ kinh phí:

- Năm 2021: 99.132 triệu đồng.
- Năm 2022: 138.221 triệu đồng.
- Năm 2023: 184.647 triệu đồng.
- Năm 2024: 204.450 triệu đồng.
- Năm 2025: 229.256 triệu đồng.

Đính kèm Phụ lục 2: Danh mục thiết bị các trường phổ thông của dự án phân bổ kinh phí theo năm.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.

- Phân bổ kinh phí cụ thể cho từng chủ đầu tư ở các Dự án của Chương trình (Sở Giáo dục và Đào tạo; huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh) hàng năm theo đúng lộ trình được duyệt để thực hiện Chương trình.

- Xây dựng kế hoạch và xác định danh mục thiết bị, công trình xây dựng cho từng năm theo danh mục công trình được phê duyệt.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân và thủ tục quyết toán vốn hoàn thành các công trình theo quy định hiện hành.

- Thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình thuộc Chương trình theo phân cấp của UBND tỉnh.

- Căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ hàng năm có nhiệm vụ quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tuyên truyền rộng rãi để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

- Xác định địa điểm, lập thủ tục đất đai và giải phóng mặt bằng đối với những danh mục công trình xây dựng trên địa bàn huyện, thị xã đã được phê duyệt.

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo đúng kế hoạch, đúng quy định, bảo đảm chất lượng các công trình mua sắm, xây dựng, chống thất thoát, tiêu cực.

- Quán triệt, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tại các địa phương tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức triển khai thi công các công trình theo kế hoạch được duyệt.

- Tổ chức đưa thiết bị, các phòng học, phòng chức năng vào sử dụng đúng mục đích sau khi nhận bàn giao đưa vào sử dụng, nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình.

- Là cơ quan trực tiếp làm chủ đầu tư và quản lý dự án mua sắm thiết bị của Chương trình.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phân bổ kinh phí cụ thể cho từng huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và xác định danh mục xây dựng cho từng năm ở từng địa phương theo danh mục công trình được phê duyệt kèm theo Chương trình này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình của các huyện, thị xã, thành phố định kỳ 6 tháng và hàng năm; tổng hợp tình hình từ các địa phương báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân các dự án thuộc Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình.

2.3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân các dự án thuộc Chương trình. Đôn đốc công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện Chương trình của các huyện, thị xã, thành phố định kỳ 6 tháng và hàng năm.

2.4. Sở Xây dựng

- Thẩm định dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình thuộc Chương trình theo phân cấp của UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2.5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng các công trình ở trường học ở các địa phương.

2.6. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phân bổ hàng năm có nhiệm vụ quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2.7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ và tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện Chương trình để các tổ chức, cá nhân, người dân trên địa bàn tỉnh biết, cùng tham gia kiểm tra, giám sát.

2.8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo và tổ chức triển khai kế hoạch xây dựng đối với các công trình trường học trên địa bàn theo danh mục của Chương trình được duyệt.

- Khẩn trương xác định địa điểm, lập thủ tục đất đai và giải phóng mặt bằng đối với những danh mục công trình trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố đã được phê duyệt.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn với sự tham gia kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện các mục tiêu của Chương trình theo đúng kế hoạch, đúng quy định, bảo đảm chất lượng các công trình xây dựng, chống thất thoát, tiêu cực.

- Tổ chức giao ban, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ 3 tháng, 6 tháng và hàng năm, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quán triệt, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức triển khai thi công các công trình theo kế hoạch được duyệt; khai thác các phòng chức năng đúng mục đích sau khi nhận bàn giao đưa vào sử dụng./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út